

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2022/HS-ST
Ngày 19 – 9 – 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thọ;

2. Ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà: Ông Mai Xuân Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2022/HS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Viết C; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1986, tại tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Không ổn định; con ông: Nguyễn K, sinh năm 1945 và bà: Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1954; hiện cả cha và mẹ bị cáo đang sinh sống tại thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Vợ: Lê Thị L, sinh năm 1989 (đã ly hôn năm 2017); bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền sự: Không;

Tiền án: có 05 tiền án, cụ thể:

+ Bản án số: 20/2008/HS-PT ngày 11/3/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, tuyên phạt Nguyễn Viết C 12 tháng tù treo, về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Bản án số: 59/2008/HS-ST ngày 30/6/2008 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, tuyên phạt Nguyễn Viết Ch 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại Bản án số 20/2008/HS-PT ngày 11/3/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, buộc bị cáo Chiến phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 21 tháng tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/01/2009;

+ Bản án số: 05/2010/HS-ST ngày 26/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam, tuyên phạt Nguyễn Viết C 09 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/8/2010;

+ Bản án số: 05/2012/HS-ST ngày 16/01/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, tuyên phạt Nguyễn Viết C 24 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/10/2013;

+ Bản án số: 03/2016/HS-ST ngày 17/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, tuyên phạt Nguyễn Viết C 06 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/6/2021;

Bị cáo Nguyễn Viết C bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Búk – có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Phạm Văn Đ; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1990, tại tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Không ổn định; con ông: Phạm S, sinh năm 1965, và bà Võ Thị B, sinh năm 1971; hiện cha mẹ bị cáo đang sinh sống tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; vợ: Phạm Thị Kim M, sinh năm 1989; hiện đang sinh sống tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; bị cáo có 01 người con sinh năm 2011;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án số: 07/2016/HSST ngày 28/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, tuyên phạt Phạm Văn Đ 15 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phạt tù từ ngày 22/7/2017, nhưng chưa chấp hành xong trách nhiệm dân sự;

Nhân thân: Tại bản án số 06/2008/HSST ngày 22/01/2008, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt Phạm Văn Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo, trừ 02 tháng 28 ngày tạm giam, còn lại 06 tháng 02 ngày, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án; Tại Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 18/01/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam, Quyết định về việc đưa người nghiện ma túy vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Quảng Nam để cai nghiện, giáo dục, lao động và học nghề với thời gian 24 tháng. Chấp hành xong quyết định vào ngày 21/8/2013.

Bị cáo Phạm Văn Đ bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Búk – có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Viết C và Phạm Văn Đ đều không có nghề nghiệp, sống lang thang và có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản. Vào khoảng 10 giờ ngày 05/02/2022, Đ cùng C điều khiển xe mô tô hiệu Taurus biển số 92L8-8856 lưu thông trên đường Hồ Chí Minh theo hướng Gia Lai - Đắk Lắk tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến nhà bà Trương Thị L thuộc thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thấy nhà không có ai, nên C đã trèo qua hàng rào đột nhập vào nhà bà L tìm tài sản trộm cắp, còn Đ đứng bên ngoài canh giới. Khi vào đến kho nhà bà L, thấy 01 camera an ninh đang hoạt động thì C dùng 01 thanh sắt đập gãy giá đỡ của camera rớt xuống,

rồi chui qua cửa thông gió nhà tắm vào trong nhà. Khi vào đến phòng khách thấy 01 camera an ninh đang hoạt động nên C dùng cây sắt đập gãy giá đỡ của camera rớt xuống, rồi đi vào trong phòng ngủ nhà bà L tại tầng 1. Thấy có két sắt nên C đã dùng cái chần lót dưới rồi kéo két sắt ra gần phòng khách, C dùng dao, cây sắt, cuốc, lưỡi xẻng (lấy tại nhà bà L) đập phá mặt trước và mặt sau của két sắt. Sau khi cạy phá mở được két sắt, C lấy hết số tiền và vàng bên trong, thấy 01 máy đo độ cà phê nên C đã dùng cây sắt đập phá máy đo độ để tìm tài sản bên trong. Sau đó, C bỏ hết tài sản trộm cắp được vào túi quần rồi tẩu thoát ra ngoài và lên xe mô tô Đ đang chờ sẵn, rồi cả hai đi về thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đi được khoảng 20km thì C và Đ dừng lại bên đường để kiểm đếm tài sản trộm cắp được số tiền 30.700.000 đồng; 01 cặp nhẫn vàng tây; 01 sợi dây chuyền vàng 9999 có mặt hình trái tim; các trang sức bằng vàng tây khác gồm: 02 đôi bông tai, 02 vòng tay, 01 nhẫn đeo tay, 01 mặt dây chuyền bằng đá. Sau đó, C đưa cho Đ 3.000.000 đồng để lo chi phí đi đường và cả hai đi về thành phố Hồ Chí Minh. Khi đi trên đường Đ vào các tiệm vàng bên đường, không rõ địa chỉ, bán số trang sức trộm cắp được tổng số tiền hơn 20.000.000 đồng. Sau đó, C chia cho Đ 27.000.000 đồng và cả hai đã tiêu xài hết số tiền trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS ngày 08/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk, kết luận: 01 cặp nhẫn vàng tây (nhẫn cặp nam nữ) khối lượng 03 chỉ trị giá 9.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 9999 có mặt hình trái tim khối lượng 7,2 chỉ trị giá 38.000.000 đồng; 01 bộ trang sức bằng vàng tây gồm: 01 đôi bông tai, 01 mặt dây chuyền bằng đá màu xanh lá cây, 01 nhẫn đeo tay, 01 vòng tay, mua vào ngày 04/5/2011, tổng trị giá 33.000.000 đồng; 01 bộ trang sức vàng tây gồm: 01 đôi bông tai, 01 vòng tay mua vào năm 2012, tổng trị giá 16.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trên là 96.000.000 đồng (*chín mươi sáu triệu đồng*).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTS ngày 17/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk, kết luận: Phần hư hỏng, thiệt hại của 02 camera có gắn chuông báo động, màu trắng đen hiệu @JHUA lắp đặt vào năm 2021, bị gãy phần chân giá đỡ trị giá 400.000 đồng; phần hư hỏng, thiệt hại toàn bộ của 01 máy đo độ cà phê màu trắng hiệu PM-600, mua vào năm 2011, bị vỡ màn hình hiển thị và bàn phím trị giá 9.000.000 đồng; phần hư hỏng, thiệt hại của 01 két sắt bằng kim loại kích thước 102cm x 63cm x 50cm hiệu FORESTIER FRERES, mua năm 2007, trị giá thiệt hại 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản thiệt hại là 11.400.000 đồng (*mười một triệu, bốn trăm ngàn đồng*).

Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã thu giữ gồm:

+ Thu giữ của Nguyễn Viết C gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Mdel: TA-1174, màu đen tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 02 sim có số thuê bao là 0867632069 và 0793169185; 01 căn cước công dân số 049086015371 mang tên Nguyễn Viết C; 01 đôi bao tay bằng vải màu đen trắng; 01 chiếc bông tai bằng đá màu đen hình tròn được bọc bằng kim loại màu vàng, trên bề mặt kim loại được gắn nhiều hạt đá màu trắng.

Sau khi đã xác định được chủ sở hữu, ngày 28/7/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà Trương Thị L là chủ sở hữu hợp pháp. Đối với chiếc điện thoại di động trên Chiến không dùng vào việc phạm tội.

+ Thu giữ của Phạm Văn Đ gồm: 01 xe mô tô hiệu Taurus màu đen biển số 92L8-8856; 01 điện thoại di động hiệu Itel số Mdel: it2163, màu đen tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 02 sim có số thuê bao là 0793169747 và 0357741941; 01 chứng minh nhân dân số 205423572 mang tên Phạm Văn Đ. Đây là tài sản của Đ, không dùng vào việc phạm tội.

+ Thu giữ tại nhà bà Trương Thị L gồm: 01 kết sắt kích thước 1,02m x 0,63m x 0,5m, phần trên cánh cửa có 02 vết rách dọc, mặt sau của kết đã bị đập phá hư hỏng làm lộ phần ruột kết bên trong; 01 máy đo độ ẩm cà phê hiệu PM-600; 01 con dao dài 35,5cm; 01 con dao dài 30cm; 01 lưỡi xẻng kích thước 40cm x 23,5cm; 01 lưỡi cuốc kích thước 25cm x 21cm; 01 cán cuốc bằng tre đã bị gãy dài 1,02m; 01 thanh kim loại tròn rỗng dài 65cm, đường kính 4,5cm; 01 thanh kim loại rỗng hộp chữ nhật dài 2,52m.

Đối với số vàng mà Nguyễn Viết C và Phạm Văn Đ đã trộm cắp và bán trên đường, do không xác định được địa chỉ nên không thu giữ được.

Quá trình điều tra bà Trương Thị L yêu cầu các bị cáo Nguyễn Viết C và Phạm Văn Đ phải bồi thường thiệt hại số tiền 400.000.000 đồng, hiện gia đình các bị cáo mới bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng (bị cáo C 10.000.000 đồng, bị cáo Đ 10.000.000 đồng).

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS, ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố bị cáo Nguyễn Viết C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, và tội “Hủy hoại tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, chứng minh các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết C phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Hủy hoại tài sản”; bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt tù bị cáo C phải chịu.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại bà Trương Thị L mỗi bị cáo 10.000.000 đồng. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 106.700.000 đồng cho bà L; chia theo phần bị cáo Nguyễn Viết C phải bồi thường số tiền 53.350.000 đồng; bị cáo Phạm Văn Đ phải bồi thường số tiền 53.350.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Viết C phải bồi thường giá trị tài sản đã hủy hoại số tiền 11.400.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Viết C phải bồi thường là 64.750.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc bông tai bằng đá màu đen hình tròn được bọc bằng kim loại màu vàng, trên bề mặt kim loại được gắn nhiều hạt đá màu trắng cho bà Trương Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 kết sắt kích thước 1,02m x 0,63m x 0,5m, phần trên cánh cửa có 02 vết rách dọc, mặt sau của kết đã bị đập phá hư hỏng làm lộ phần ruột kết bên trong; 01 máy đo độ ẩm cà phê hiệu PM-600; 01 con dao dài 35,5cm; 01 con dao dài 30cm; 01 lưỡi xẻng kích thước 40cm x 23,5cm; 01 lưỡi cuốc kích thước 25cm x 21cm; 01 cán cuốc bằng tre đã bị gãy dài 1,02m; 01 thanh kim loại tròn rỗng dài 65cm, đường kính 4,5cm; 01 thanh kim loại rỗng hộp chữ nhật dài 2,52m. Đây là những tài sản của bà L nhưng không còn giá trị sử dụng, bà L không nhận lại tài sản, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Mdel: TA-1174, màu đen tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 02 sim có số thuê bao là 0867632069 và 0793169185; 01 căn cước công dân số 049086015371 mang tên Nguyễn Viết C. Đây là tài sản của bị cáo C không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo C.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu ITEL số Mdel: it2163, màu đen tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 02 sim có số thuê bao là 0793169747 và 0357741941; 01 chứng minh nhân dân số 205423572 mang tên Phạm Văn Đ. Đây là tài sản của Đ, không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Taurus màu đen biển số 92L8-8856, do chưa xác định được chủ sở hữu, nên sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/9/2022 và Đơn xin xét xử vắng mặt bà Trương Thị L trình bày:

Về dân sự: Chấp nhận thiệt hại đã xảy ra theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản đã định giá.

Về hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Viết C, Phạm Văn Đ khai nhận: Vì động cơ tư lợi cá nhân nên vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 05/02/2022, tại nhà bà Trương Thị L thuộc thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Viết C và Phạm Văn Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 30.700.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 9999 có mặt hình trái tim, 01 cặp nhẫn vàng tây, 02 đôi bông tai vàng tây, 02 vòng tay vàng tây, 01 mặt dây chuyền vàng tây gắn đá, 01 nhẫn đeo tay vàng tây. Tổng tài sản bị chiếm đoạt là 126.700.000 đồng (*một trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm ngàn đồng*).

Ngoài ra, trong quá trình trộm cắp tài sản nêu trên thì Nguyễn Viết C đã có hành vi hủy hoại tài sản của bà Trương Thị L gồm 02 chân giá đỡ camera, 01 máy đo độ cà phê hiệu PM-600 và 01 két sắt hiệu FORESTIER FRERES có kích thước 102cm x 63cm x 50cm. Tổng tài sản bị thiệt hại là 11.400.000 đồng (*mười một triệu, bốn trăm ngàn đồng*).

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Viết C đã phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Phạm Văn Đ đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

g) Tái phạm nguy hiểm”

- Tại Điều 178 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là công dân có đủ nhận thức biết rõ tài sản hợp pháp của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều bị trừng trị. Nhưng với động cơ vụ lợi cá nhân, bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài nhưng không muốn bỏ công sức lao động, lợi dụng chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản bị cáo Nguyễn Viết C và Phạm Văn Đ đã lén lút trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 126.700.000 đồng. Ngoài ra bị cáo C còn có hành vi hủy hoại tài sản với tổng giá trị tài sản bị hủy hoại là 11.400.000 đồng.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có sự bàn bạc, chuẩn bị phạm tội từ trước, khi phát hiện thấy sự sơ hở của chủ quản lý tài sản các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt, và mang đi tiêu thụ, hành vi của các bị cáo không những xâm hại đến tài sản hợp pháp của công dân, mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, mất trật tự trị an trong xã hội nên cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đây là vụ án đồng phạm, có nhiều bị cáo cùng tham gia, nên cần xem xét tính chất và mức độ tham gia tội phạm của từng đồng phạm, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo trong vụ án để áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự trong việc quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Viết C là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và Hủy hoại tài sản. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 05 tiền án chưa được xóa án tích, trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2016, bị cáo liên tục bị xét xử và bị tuyên phạt hình phạt tù có thời hạn về hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “đánh bạc”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (*vận dụng Điều 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2002 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*) và trong trường hợp tái phạm nguy hiểm, vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cao hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

Bị cáo Phạm Văn Đ là người thực hành tích cực, bị cáo là người cảnh giới và là người trực tiếp mang tài sản (các bộ trang sức bằng vàng) do bị cáo C phạm tội mà có đem đi tiêu thụ. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích về hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do cố ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Văn Đ bị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đó là “Tái phạm”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Viết C, Phạm Văn Đ đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi

thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại bà Trương Thị L (mỗi bị cáo 10.000.000 đồng). Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc bông tai bằng đá màu đen hình tròn được bọc bằng kim loại màu vàng, trên bề mặt kim loại được gắn nhiều hạt đá màu trắng cho bà Trương Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu, tiêu hủy 01 kết sắt kích thước 1,02m x 0,63m x 0,5m, phần trên cánh cửa có 02 vết rách dọc, mặt sau của kết đã bị đập phá hư hỏng làm lộ phần ruột kết bên trong; 01 máy đo độ ẩm cà phê hiệu PM-600; 01 con dao dài 35,5cm; 01 con dao dài 30cm; 01 lưỡi xẻng kích thước 40cm x 23,5cm; 01 lưỡi cuốc kích thước 25cm x 21cm; 01 cán cuốc bằng tre đã bị gãy dài 1,02m; 01 thanh kim loại tròn rỗng dài 65cm, đường kính 4,5cm; 01 thanh kim loại rỗng hộp chữ nhật dài 2,52m. Đây là những tài sản của bà L nhưng không còn giá trị sử dụng, bà L từ chối nhận lại tài sản.

Tịch thu, tiêu hủy 01 đôi bao tay thu của bị cáo C không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Chiến 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Mdel: TA-1174, màu đen tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 02 sim có số thuê bao là 0867632069 và 0793169185. Đây là tài sản của bị cáo C không dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động hiệu Itel số Mdel: it2163, màu đen tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 02 sim có số thuê bao là 0793169747 và 0357741941. Đây là tài sản của bị cáo Đ, không dùng vào việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/8/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk).

Trả lại cho bị cáo C 01 căn cước công dân số 049086015371 mang tên Nguyễn Viết C.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 chứng minh nhân dân số 205423572 mang tên Phạm Văn Đ.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Taurus màu đen biển số 92L8-8856, do chưa xác định được chủ sở hữu, nên sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Trương Thị L số tiền 20.000.000 đồng (bị cáo Chiến 10.000.000 đồng; bị cáo Đ 10.000.000 đồng). Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà L số tiền 106.700.000 đồng, chia theo phần bị cáo C 53.350.000 đồng; bị cáo Đ 53.350.000 đồng.

Buộc bị cáo C phải bồi thường thiệt hại do hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo C gây ra tổng số tiền 11.400.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo C phải bồi thường cho bà L là 64.750.000 đồng.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Viết C** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Hủy hoại tài sản*”; bị cáo **Phạm Văn Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Viết C** 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Viết C phải chấp hành hình phạt chung là **06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/3/2022.

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn Đ** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/3/2022.

[2]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc bông tai bằng đá màu đen hình tròn được bọc bằng kim loại màu vàng, trên bề mặt kim loại được gắn nhiều hạt đá màu trắng cho bà Trương Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu, tiêu hủy 01 kết sắt kích thước 1,02m x 0,63m x 0,5m, phần trên cánh cửa có 02 vết rách dọc, mặt sau của kết đã bị đập phá hư hỏng làm lộ phần ruột kết bên trong; 01 máy đo độ ẩm cà phê hiệu PM-600; 01 con dao dài 35,5cm; 01 con dao dài 30cm; 01 lưỡi xẻng kích thước 40cm x 23,5cm; 01 lưỡi cuốc kích thước 25cm x 21cm; 01 cán cuốc bằng tre đã bị gãy dài 1,02m; 01 thanh kim loại tròn rỗng dài 65cm, đường kính 4,5cm; 01 thanh kim loại rỗng hộp chữ nhật dài 2,52m. Đây là những tài sản của bà Liên nhưng không còn giá trị sử dụng, bà L từ chối nhận lại tài sản.

Tịch thu, tiêu hủy 01 đôi bao tay thu của bị cáo C không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo C 01 điện thoại di động hiệu Nokia số Mdel: TA-1174, màu đen tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 02 sim có số thuê bao là 0867632069 và 0793169185. Đây là tài sản của bị cáo C không dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động hiệu Itel số Mdel: it2163, màu đen tình trạng đã qua sử dụng, trong điện thoại có gắn 02 sim có số thuê bao là 0793169747 và 0357741941. Đây là tài sản của bị cáo Đ, không dùng vào việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/8/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk).

Trả lại cho bị cáo C 01 căn cước công dân số 049086015371 mang tên Nguyễn Viết C.

Trả lại cho bị cáo Đ 01 chứng minh nhân dân số 205423572 mang tên Phạm Văn Đ.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Taurus màu đen biển số 92L8-8856, do chưa xác định được chủ sở hữu, nên sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Trương Thị L số tiền 20.000.000 đồng (bị cáo C 10.000.000 đồng; bị cáo Đ 10.000.000 đồng). Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bà L số tiền 106.700.000 đồng, chia theo phần bị cáo C 53.350.000 đồng; bị cáo Đ 53.350.000 đồng.

Buộc bị cáo C phải bồi thường thiệt hại do hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo C gây ra tổng số tiền 11.400.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo C phải bồi thường là 64.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Viết C, Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Viết C phải chịu 3.237.000 đồng; bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 2.667.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- CCTHA dân sự huyện Krông Búk;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Anh Thái